

Unit 2: My house

1. Write the words

Word	Part of Speech	Pronunciation	Meaning
	n	/taʊn haʊs/	Nhà phố
	n	/'kʌntrisaɪd/	Nông thôn
	n	/'sɪti/	Thành phố
	n	/flæt/	Căn hộ chung cư
	n	/'gæərə:ʒ/	Nhà xe
	p.v	/'setl daʊn/	Ổn định cuộc sống
	n	/'daɪnɪŋ ru:m/	Phòng ăn
	n	/'kʌbəd/	Tủ bát đĩa
	n	/frɪdʒ/	Tủ lạnh
	n	/dɪ'pɑ:tmənt stɔ:(r)/	Cửa hàng bách hóa
	prep	/bɪ'twi:n/	Ở giữa
	n	/'sentə(r)/	Trung tâm
	n	/'beɪsmənt/	Tầng hầm
	p.v	/kli:n ʌp/	Dọn dẹp
	n	/'dɪʃwɔʃə(r)/	máy rửa bát
	n	/'wɔ:drəʊb/	Tủ quần áo
	n	/jɑ:d/	Sân nhà
	n	/'vɪlə/	Biệt thự

2. Listen and choose the correct words

	
	
	
	
	